

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 44/2022/HNGĐ-ST
Ngày 20 - 7 - 2022
V/v Tranh chấp ly hôn, nuôi con
chung giữa bà T và ông S

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Diệp Song Tiền

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Đặng Văn Bé

Ông Đỗ Hữu Quang

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu T - Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Long An.

Ngày 20 tháng 7 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 92/2022/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 5 năm 2022 về việc “*Tranh chấp ly hôn, nuôi con khi ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 38/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 6 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Đặng Thị Thu T, sinh năm 1987 (có mặt);

Địa chỉ: ấp H, xã A, thành phố Tân An, tỉnh Long An.

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Thành S, sinh năm 1984 (vắng mặt);

Địa chỉ: Ấp 4, xã H, huyện Châu Thành, tỉnh Long An.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 26 tháng 4 năm 2022 và quá trình xét xử, nguyên đơn bà Đặng Thị Thu T trình bày:

Bà và ông Nguyễn Thành S chung sống với nhau năm 2006 và đăng ký kết hôn với nhau vào năm 2007 tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện Châu Thành, tỉnh Long An, chung sống hạnh phúc khoảng 13 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm, tính tình không hợp nhau, bà về nhà cha mẹ ruột sinh sống từ năm 2020 đến nay. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn hạnh phúc, không thể kéo dài hôn nhân nên bà T yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông Nguyễn Thành S. Bà T xác định: Nghề nghiệp của bà là công nhân, thu nhập không ổn định, có tháng thì thu nhập khoảng 7.000.000đ (bảy triệu đồng) nhưng có tháng không có việc làm.

Trong quá trình chung sống giữa bà và ông Nguyễn Thành S có hai người con chung tên là Nguyễn Thành D, sinh ngày 07 tháng 8 năm 2008 nhưng tình trạng sức khỏe chậm phát triển trí tuệ, không chịu đi học về sinh hoạt cá nhân tự làm được, tiếp xúc với mọi người đều biết, trả lời được và Nguyễn Thành T, sinh ngày 01 tháng 02 năm 2017, hiện tại do ông S đang nuôi dưỡng. Bà T yêu cầu Tòa án giải quyết giao cho ông Nguyễn Thành S được quyền trực tiếp nuôi dưỡng hai người con chung có tên nêu trên. Bà không cấp dưỡng cho ông S nuôi hai người con chung vì bà không có điều kiện: không có nhà ở, không có tài sản và việc làm không ổn định. Đồng thời, bà T xác định: Giữa bà và ông S không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết và cam kết không có nợ chung.

Quá trình tố tụng, ông Nguyễn Thành S vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Căn cứ vào nội dung đơn khởi kiện của bà Đặng Thị Thu T và nơi cư trú của ông Nguyễn Thành S, Tòa án nhân dân huyện Châu Thành thụ lý và giải quyết vụ án theo trình tự sơ thẩm được quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Tòa án đã triệu tập hợp lệ ông Nguyễn Thành S đến tham gia phiên tòa xét xử sơ thẩm nhiều lần nhưng ông Nguyễn Thành S vắng mặt không rõ lý do. Do đó, căn cứ vào khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng Dân sự, xét xử vụ án vắng mặt ông Nguyễn Thành S.

[3] Bà Đặng Thị Thu T và ông Nguyễn Thành S đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Hiệp Thành, huyện Châu Thành, tỉnh Long An vào năm 2007 nên quan hệ hôn nhân giữa bà T và ông S là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật bảo vệ.

Tòa án đã tiến hành hòa giải để hàn gắn tình cảm vợ chồng giữa bà Đặng Thị Thu T và ông Nguyễn Thành S nhưng ông S vắng mặt. Việc ông S vắng mặt thể hiện ông S không có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng với bà T. Bà T xác định bà không còn tình cảm với ông S, bà T giữ nguyên nguyện vọng yêu cầu ly hôn với ông S. Từ đó, cho thấy mâu thuẫn giữa bà T và ông S đã trầm trọng không thể hàn gắn, tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, việc bà T yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông S là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Hôn nhân giữa bà T và ông S có hai người con chung có tên là Nguyễn Thành D, sinh ngày 07 tháng 8 năm 2008 và Nguyễn Thành T, sinh ngày 01 tháng 02 năm 2017, hiện tại do ông S đang nuôi dưỡng. Bà T yêu cầu Tòa án giải quyết giao cho ông Nguyễn Thành S được quyền trực tiếp nuôi dưỡng hai người con chung có

tên nêu trên. Bà không cấp dưỡng cho ông S nuôi hai người con chung vì bà không có điều kiện: không có nhà ở, không có tài sản và việc làm không ổn định. Mặt khác, người con chung đang sống cùng với ông S, không có tài liệu, chứng cứ chứng minh ông S không hoàn thành nghĩa vụ nuôi dưỡng các người con chung. Đồng thời các người con chung đang sống cùng với ông S nên đã ổn định về mặt tình cảm và tâm lý. Do đó, giao cho ông S được quyền trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục hai người con chung có tên Nguyễn Thành D, sinh ngày 07 tháng 8 năm 2008 và Nguyễn Thành T, sinh ngày 01 tháng 02 năm 2017. Ông S vắng mặt, không có ý kiến gì về việc cấp dưỡng nuôi con chung nên không đặt ra xem xét.

Bà Đặng Thị Thu T có quyền, nghĩa vụ thăm nom các người con chung có tên là Nguyễn Thành D, sinh ngày 07 tháng 8 năm 2008 và Nguyễn Thành T, sinh ngày 01 tháng 02 năm 2017; Vì lợi ích của người con chung, bà T, ông S có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con; bà T, ông S có quyền yêu cầu cấp dưỡng nuôi con theo quy định chung của pháp luật.

[5] Về nợ chung và tài sản chung: Bà T xác định không có tài sản chung và cam kết không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Ông Nguyễn Thành S không phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Bà Đặng Thị Thu T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm với số tiền là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng), bà T đã nộp tiền tạm ứng án phí 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) được trừ án phí sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 3 Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;
- Áp dụng Điều 56 và Điều 58 của Luật hôn nhân và gia đình;
- Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu của bà Đặng Thị Thu T về việc xin ly hôn với ông Nguyễn Thành S.

Về quan hệ hôn nhân: Bà Đặng Thị Thu T được ly hôn với ông Nguyễn Thành S.

Về con chung: Ông Nguyễn Thành S được quyền trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục hai người con chung có tên là Nguyễn Thành D, sinh ngày 07 tháng 8 năm 2008 và Nguyễn Thành T, sinh ngày 01 tháng 02 năm 2017, hiện ông S đang nuôi dưỡng.

Bà Đặng Thị Thu T có quyền, nghĩa vụ thăm nom hai người con chung có tên là Nguyễn Thành D, sinh ngày 07 tháng 8 năm 2008 và Nguyễn Thành T, sinh ngày 01 tháng 02 năm 2017, ông S cùng các thành viên của gia đình không ai được cản trở. Bà T thực hiện quyền, nghĩa vụ thăm nom con phải thực hiện đúng theo quy định của pháp luật.

Trong trường hợp bà Đặng Thị Thu T lạm dụng việc thăm con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì ông Nguyễn Thành S có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của bà Đặng Thị Thu T.

Vì lợi ích của các người con chung, khi có căn cứ thì bà T, ông S hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật có quyền yêu cầu Tòa án quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con; khi có lý do chính đáng thì bà T, ông S có quyền yêu cầu cấp dưỡng nuôi con theo quy định.

Về án phí: Bà Đặng Thị Thu T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm với số tiền là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng), bà T đã nộp tiền tạm ứng án phí với số tiền là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0007839 ngày 09 tháng 5 năm 2022 của cơ quan Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành tỉnh Long An được trừ án phí sơ thẩm.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Long An xét xử phúc thẩm. Riêng ông Nguyễn Thành S có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nội nhận:

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Châu Thành;
- THA DS huyện Châu Thành;
- Ủy ban nhân dân nơi đăng ký kết hôn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, văn thư.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Diệp Song Tiền